

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định 6 tháng đầu năm 2022

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai công tác chỉ đạo điều hành về phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh cải cách hành chính năm 2022; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Bình Định¹; Quy chế tổ chức hoạt động và Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh; Kế hoạch phát động phong trào thi đua cải cách hành chính giai đoạn 2022 – 2025; Báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Tỉnh ủy về cải cách hành chính; chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tham mưu ban hành kế hoạch, chương trình, đề án đẩy mạnh cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ². Đồng thời yêu cầu người đứng đầu các cấp, các ngành nâng cao vai trò, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, chủ động nghiên cứu, sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng giải pháp đổi mới trong tổ chức thực hiện làm khâu đột phá. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm tầng nấc, rút ngắn thời gian giải quyết, nâng cao tính minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, công dân và tiết kiệm chi phí xã hội.

Theo kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021, tỉnh

¹ Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 16/03/2022

² Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 phê duyệt Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 giai đoạn 2022 -2027”; Quyết định số 5359/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 ban hành Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 phê duyệt Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định” (Chỉ số DDCI); Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 17/5/2022 về cải thiện, nâng cao Chỉ số PCI của tỉnh; Quyết định 5151/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 Ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định, phiên bản 1.0; Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 08/3/2022 phát động phong trào thi đua cải cách hành chính giai đoạn 2022 – 2025; Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 về việc kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016-2021; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 17/3/2022 về Truyền thông cải cách hành chính nhà nước năm 2022; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ-TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa (XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Bình Định tăng 26 bậc so với kết quả năm 2020, UBND tỉnh đã biểu dương sự nỗ lực, cố gắng của Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, đề xuất UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục đối với các chỉ số giảm điểm, ảnh hưởng đến năng lực của tỉnh; giao Sở Nội vụ chủ trì, trên cơ sở nội dung Báo cáo của Bộ Nội vụ về kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) đề xuất UBND tỉnh các giải pháp cụ thể để cải thiện hơn nữa kết quả các chỉ số của tỉnh trong thời gian tới đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Tỉnh ủy tại Chương trình hành động số 09 về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025.

Ngay từ tháng 01 năm 2022, UBND tỉnh đã phê duyệt và công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành, địa phương và kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2021³. Trên cơ sở đó, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện, đề ra các giải pháp cải thiện chỉ số cải cách hành chính của đơn vị mình trong năm 2022 và các năm tiếp theo⁴.

Bên cạnh việc triển khai nhiệm vụ trọng tâm theo các Kế hoạch của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực cải cách hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ hành chính, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh theo các Nghị quyết của Chính phủ⁵.

2. Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022

Năm 2022, UBND tỉnh xác định 38 nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính của tỉnh⁶. Để đảm bảo đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra, UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch: Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022⁷, Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022⁸, Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2022⁹, Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm

³ Quyết định số 5327/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh.

⁴ Một số cơ quan, địa phương như Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Giao thông vận tải, thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện Tuy Phước, huyện Vĩnh Thạnh, huyện An Lão...

⁵ Công văn số 529/UBND-KSTT ngày 27/01/2022 về việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm 2022, trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị (Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp, Sở Xây dựng và UBND các huyện: Tuy Phước, Vân Canh) đã ban hành các văn bản cụ thể hóa việc triển khai thực hiện tại đơn vị; Công văn chỉ đạo, triển khai các giải pháp cải cách hành chính, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ phối hợp với các sở ngành liên quan nghiên cứu tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện Bộ chỉ số Cải cách hành chính của tỉnh theo hướng đổi mới nội dung, phương pháp nhằm đánh giá khách quan, thực chất, toàn diện và đáp ứng yêu cầu thúc đẩy cải cách, đổi mới, sáng tạo (Công văn số 1047/UBND-KSTT ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh.).

⁶ Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh.

⁷ Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh.

⁸ Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh.

⁹ Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh.

2022¹⁰, Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật¹¹, Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022¹², Kế hoạch thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Y tế thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, đảm bảo điều kiện tham gia vào mạng lưới Y tế thông minh toàn quốc¹³, Kế hoạch thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, sẵn sàng tham gia vào mạng lưới Giáo dục thông minh toàn quốc¹⁴, Kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 của tỉnh Bình Định¹⁵... làm cơ sở triển khai thực hiện toàn diện trên 6 lĩnh vực của nhiệm vụ cải cách hành chính đảm bảo mục tiêu chung đề ra. Đến ngày 14/6/2022, UBND tỉnh đã hoàn thành 17/38 nhiệm vụ đề ra (*chi tiết tại Phụ lục II gửi kèm báo cáo*).

3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính của tỉnh đã tổ chức kiểm tra (đợt 1) kết quả khắc phục tại 05 đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh (gồm 02 thị xã, thành phố và 03 phường, xã) theo kết quả kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021¹⁶; UBND tỉnh chỉ đạo Tổ kiểm tra công vụ của tỉnh tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan hành chính tỉnh Bình Định năm 2022¹⁷, đã tiến hành 02 đợt thanh tra, kiểm tra và kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại 28 cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh¹⁸; tập trung vào kiểm tra việc chấp hành kỷ luật làm việc, các quy định về văn hóa công sở, việc thực thi nhiệm vụ, công vụ, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông; đồng thời, chỉ đạo kiểm tra, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân gây ra tình trạng trễ hẹn và nhanh chóng giải quyết số lượng hồ sơ còn tồn đọng tại UBND các huyện, thị xã, thành phố (Công văn số 2206/UBND-KSTT ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh)¹⁹.

¹⁰ Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 17/02/2022 của UBND tỉnh.

¹¹ Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh.

¹² Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 20/02/2022 của UBND tỉnh.

¹³ Quyết định số 75/KH-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh.

¹⁴ Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh.

¹⁵ Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 04/04/2022 của UBND tỉnh.

¹⁶ Năm 2021, Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính của tỉnh đã tổ chức kiểm tra 04 cơ quan, 03 huyện, thị xã và 06 xã.

¹⁷ Kế hoạch số 01/KH-TKT ngày 25/01/2022 của Tổ kiểm tra công vụ, UBND tỉnh.

¹⁸ Gồm 09 cơ quan, đơn vị và 29 xã, phường, thị trấn) trong thời gian đợt 1 (từ ngày 14/02/2022 đến ngày 28/02/2022) và đợt 2 (từ ngày 04/5/2022 đến ngày 13/5/2022)

¹⁹ Để có cơ sở chấn chỉnh tình trạng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn/quá hạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2206/UBND-KSTT, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch Kiểm tra công tác giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các UBND cấp huyện, cấp xã năm 2022 (Kế hoạch số 240/KH-VPUBND ngày 12/5/2022 của Văn phòng UBND tỉnh), theo Kế hoạch, thực hiện kiểm tra 04 địa phương và từ 02 đến 03 UBND cấp xã trong tháng 6 năm 2022.

Đoàn khảo sát phúc tra Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đã tiến hành phúc tra theo Kế hoạch Khảo sát phúc tra Chỉ số PAPI năm 2021¹⁹ tại 23 đơn vị, địa phương (gồm 03 huyện, thị xã, thành phố; 8 xã, phường; 12 thôn, khu phố) từ ngày 02/6/2022 đến ngày 09/6/2022.

Triển khai Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định năm 2022, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra (đợt 1) tại 38 đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, thời gian kiểm tra từ ngày 24/5/2022 đến ngày 24/6/2022; đến nay đã kiểm tra được 16 xã, phường, thị trấn, các đơn vị, địa phương còn lại sẽ triển khai

4. Công tác thông tin tuyên truyền cải cách hành chính

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về cải cách hành chính. Tuyên truyền định hướng chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021 – 2030 của Chính phủ; các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể được nêu tại Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025 và các nội dung theo Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh²⁰.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉnh đã phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam (VTV1) xây dựng phóng sự "Bình Định - Cải cách để thu hút đầu tư" trên chuyên mục cải cách hành chính. Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bình Định và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh, nền tảng ứng dụng Zalo chuyên trang "Chính quyền điện tử Bình Định", Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định đã thực hiện hơn 250 lượt tin, bài viết, phóng sự tuyên truyền về kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính, chỉ số đo lường sự hài lòng của tổ chức, công dân năm 2021, về kết quả đạt được của các nội dung thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022; tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp cho các tổ chức, công dân đến giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả về cách thức nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đã phát hành chuyên đề "Cải cách để phát triển" trên Báo Bình Định Xuân Nhâm Dân 2022.

Bên cạnh đó, nhằm trang bị, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định phát sóng 06 số Tạp chí truyền hình "Pháp luật và Đời sống"; tỉnh cũng đã phát hành 10.000 cuốn Bản tin Tư pháp Bình Định và 10.000 cuốn tài liệu Hỏi - Đáp pháp luật. Ngoài ra, còn tổ chức tuyên truyền, phổ biến nhiều văn bản pháp luật liên quan đến các lĩnh vực công tác, đời sống hằng ngày; tổ chức viết tin, bài tuyên truyền, phổ biến pháp luật đăng tải trên Trang Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh.

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Đến nay, tỉnh đã hoàn thành và thực hiện đúng thời hạn đối với 33/41 nhiệm vụ; 08 nhiệm vụ còn lại không giao thời hạn đã được UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tham mưu việc tổ chức thực hiện.

UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1147/UBND-KSTT ngày 08/3/2022 đôn đốc Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương chỉ đạo rà soát, hoàn thành các nhiệm vụ còn tồn đọng; đồng thời, nghiêm túc rút kinh

tiếp tục kiểm tra từ ngày 15/6/2022.

²⁰ Để tăng cường hiệu quả công tác tuyên truyền về cải cách hành chính trong năm 2022, UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch truyền thông số 27/KH-UBND ngày 17/3/2022 về công tác cải cách hành chính, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện theo Kế hoạch và kịp thời báo cáo UBND tỉnh để kịp thời xem xét, chỉ đạo.

nghiệm trong công tác theo dõi, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL luôn được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo sâu sát; các cơ quan, đơn vị đã kịp thời rà soát các VBQPPL cấp trên và tình hình thực tế của địa phương để tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định nhiều chủ trương, chính sách quan trọng. Tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2022, tỉnh Bình Định ban hành 293 VBQPPL của HĐND, UBND; trong đó, HĐND, UBND tỉnh ban hành 42 văn bản (03 Nghị quyết, 39 Quyết định); HĐND, UBND cấp huyện ban hành 56 văn bản; HĐND, UBND cấp xã ban hành 195 văn bản. Các văn bản do HĐND, UBND các cấp ban hành cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý Nhà nước, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, tạo môi trường và hành lang pháp lý đảm bảo cho việc phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho người dân.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm cần theo dõi trong năm 2022, cụ thể: tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19; thi hành pháp luật trong tự chủ cao đẳng, đại học thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thi hành pháp luật về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; tình hình thi hành pháp luật về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhằm kịp thời triển khai thực hiện các quy định mới về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương²¹. UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3174/UBND-NC ngày 08/6/2022 ban hành Danh mục VBQPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành phục vụ công tác theo dõi thi hành pháp luật trọng tâm, liên ngành năm 2022. Theo đó, chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Danh mục này, tổ chức theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành đảm bảo yêu cầu và hiệu quả²².

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:

²¹ Thực hiện Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2022.

²² Thực hiện Công văn số 1212/BTP-QLXLVPHC&TĐTHPL ngày 18/4/2022 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022.

Tổ chức Hội nghị triển khai, phổ biến Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bằng hình thức trực tuyến cho 11/11 UBND cấp huyện và 159/150 UBND cấp xã và ban hành các kế hoạch, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022; về phổ biến luật mới và một số nội dung pháp luật về gia đình, trẻ em...²³.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL

+ Công tác tự kiểm tra: đã thực hiện tự kiểm tra, xử lý VBQPPL theo quy định tại Mục 2, Chương VIII Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ; thực hiện tự kiểm tra 42 VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành (03 Nghị quyết, 39 Nghị định). Kết quả, các văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành đều đảm bảo thẩm quyền về hình thức, thẩm quyền về nội dung; căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản cơ bản phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

+ Công tác kiểm tra theo thẩm quyền: đã thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 56/56 VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Qua kiểm tra, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung và thẩm quyền.

+ Công tác kiểm tra văn bản theo địa bàn: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 về Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL năm 2022; giao Sở Tư pháp thành lập Đoàn kiểm tra để tổ chức các đợt kiểm tra văn bản theo địa bàn tại huyện Tuy Phước và huyện Vân Canh.

+ Về công tác rà soát văn bản QPPL: công tác rà soát được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đúng theo quy định của pháp luật. Các sở, ban, ngành đã tiến hành rà soát và tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các VBQPPL để thay thế 20 VBQPPL, sửa đổi, bổ sung 06 VBQPPL. Ngoài ra, thực hiện theo quy định tại Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 về việc công bố Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2021. Theo đó, có 82 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 20 văn bản hết hiệu lực một phần.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng công tác kiểm soát

²³ UBND tỉnh ban hành: các văn bản Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 24/02/2022 về phổ biến luật mới và một số nội dung pháp luật về gia đình, trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh niên trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2030; Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 18/03/2022 ban hành Kế hoạch tổ chức Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật trực tuyến cho thanh niên năm 2022” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 24/5/2022 về thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 07/6/2022 về tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

TTHC gắn với giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và công tác cải cách TTHC, kết quả đạt được như sau:

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 44 Quyết định công bố Danh mục 533 TTHC (ban hành mới 87 TTHC; sửa đổi, bổ sung 383 TTHC; thay thế 09 TTHC; bãi bỏ 54 TTHC), 43 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 45 TTHC liên thông và 137 TTHC không liên thông; thực hiện việc tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá năm 2022 đối với 33 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của 14 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh²⁴. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt Phương án đơn giản hóa cắt giảm thời gian giải quyết 15 TTHC trên các lĩnh vực: Hoạt động xây dựng, Quản lý giá và công sản, Lâm nghiệp, Tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu Kinh tế, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ²⁵ với số tiền tiết kiệm được là 334.209.416 đồng/năm.

UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện một số TTHC liên quan đến lĩnh vực Môi trường²⁶; phê duyệt nhóm TTHC liên thông Cấp phiếu lý lịch tư pháp - Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam²⁷ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong giải quyết TTHC; chỉ đạo triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng công tác giải quyết thủ tục phê duyệt kết quả đấu giá đất và trường hợp giao đất tái định cư²⁸...

Để việc công bố TTHC đảm bảo theo quy định tại các VBQPPL có điều chỉnh yếu tố cấu thành TTHC (phí, lệ phí, quy định phân cấp,..), Văn phòng UBND tỉnh đã đề nghị các cơ quan, đơn vị rà soát, đối chiếu với danh mục TTHC hiện hành, tham mưu việc công bố danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo quy định tại Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành

²⁴ Gồm các sở: Tài chính (1 TTHC), Giao thông vận tải (1 TTHC), Du lịch (1 TTHC), Xây dựng (5 TTHC), Giáo dục và Đào tạo (1 TTHC), Văn hóa và Thể thao (1 TTHC), Lao động – Thương binh và Xã hội (1 TTHC), Tài nguyên và Môi trường (3 TTHC), Thông tin và Truyền thông (1 TTHC), Tư pháp (2 TTHC), Công thương (2 TTHC), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2 TTHC), Nội vụ (6 TTHC) và Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh (4 TTHC).

²⁵ Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 11/3/2022; Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 18/5/2022; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 và Quyết định số 1860 ngày 10/6/2022.

²⁶ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/06/2022 của UBND tỉnh Ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh giải quyết một số TTHC trên lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh

²⁷ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 04/04/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện liên thông nhóm TTHC Cấp phiếu lý lịch tư pháp - Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh

²⁸ Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 148/VPUBND-KSTT ngày 24/03/2022 xem xét thời gian của UBND cấp xã trong quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông “Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu; Công văn số 172/VPUBND-KSTT ngày 04/04/2022 xem xét xây dựng quy trình nội bộ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp trúng đấu giá, tái định cư.

chính trên địa bàn tỉnh²⁹. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1343/UBND-KSTT ngày 17/3/2022 chỉ đạo nâng cao chất lượng đánh giá tác động chính sách, TTHC trong xây dựng VBQPPL. Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành và theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 186/VPUBND-KSTT ngày 08/4/2022 hướng dẫn thực hiện một số nội dung liên quan đến quy trình “lập đề nghị xây dựng” và “tổ chức soạn thảo” VBQPPL có nội dung quy định TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: triển khai công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng UBND tỉnh ban hành Công văn số 176/VPUBND-TTPVHCC ngày 06/4/2022 đề nghị VNPT Bình Định khẩn trương bổ sung, hoàn thiện các chức năng trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh đảm bảo đáp ứng đúng các nội dung yêu cầu về nghiệp vụ số hóa được Văn phòng Chính phủ hướng dẫn tại Công văn số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021. Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Công văn số 2550/UBND-KSTT ngày 12/5/2022 triển khai thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến công tác giải quyết TTHC trên môi trường điện tử nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công việc liên quan đến số hóa hồ sơ TTHC trên địa bàn tỉnh để phục vụ cho việc kết nối, tích hợp, chia sẻ danh mục giấy tờ, hồ sơ TTHC theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ.

+ Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các cấp chính quyền ở địa phương: từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022, toàn tỉnh đã tiếp nhận 281.432 hồ sơ, giải quyết và trả kết quả 272.481 hồ sơ (trong đó, trước và đúng hạn là 271.398, đạt 99,6%, giảm 2.299 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2021). Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo, thông báo công khai số lượng hồ sơ TTHC trễ hạn và cung cấp danh sách cá nhân giải quyết hồ sơ trễ hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương³⁰, qua đó, giúp nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo quản lý, theo dõi, kiểm tra tình hình giải quyết TTHC của đơn vị, góp phần làm giảm số lượng hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn.

UBND tỉnh đã báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công

²⁹ Công văn số 43/VPUBND-KSTT ngày 18/01/2022 rà soát văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC tại Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2021 và Công văn số 748/VPUBND-KSTT ngày 17/12/2021 Rà soát mức thu phí, lệ phí giải quyết TTHC được quy định tại Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

³⁰ Công văn số 251/VPUBND-KSTT ngày 13/5/2022, Công văn số 304/VPUBND-KSTT ngày 09/6/2022 cung cấp danh sách các cá nhân giải quyết trễ hạn hồ sơ TTHC trong tháng 4, tháng 5/2022.

cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện, cấp xã (Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 24/01/2022).

Nhằm khắc phục một số nội dung liên quan đến việc đánh giá chất lượng giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống đánh giá của Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo khắc phục một số tồn tại và nâng cao chất lượng tham mưu công bố thủ tục hành chính³¹. Trên cơ sở đó, Văn phòng UBND tỉnh đã có báo cáo và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện³². Ngoài ra, Văn phòng UBND tỉnh cũng đã chủ động ban hành văn bản đề nghị Cục Kiểm soát TTHC hỗ trợ khắc phục việc đồng bộ thông tin giải quyết TTHC trên “Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết TTHC” (Công văn số 58/VPUBND-KSTT ngày 26/01/2022).

UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện³³ và thí điểm triển khai liên thông dữ liệu trong giải quyết các TTHC về hộ tịch (tại UBND thành phố Quy Nhơn; UBND các phường: Trần Phú, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Ngô Mây thuộc thành phố Quy Nhơn). Trên cơ sở đó, tiếp tục phối hợp với VNPT Bình Định khắc phục các lỗi thực hiện việc tích hợp, kết nối liên thông dữ liệu giữa Công Dịch vụ công của tỉnh với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp trước khi vận hành chính thức.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về quy định TTHC: trong 6 tháng đầu năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh đã tiếp nhận 42 phản ánh, kiến nghị gửi qua Công Dịch vụ công quốc gia, xử lý, chuyển cơ quan chức năng trả lời và công khai theo đúng quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị³⁴; phê duyệt Danh mục vị trí việc làm; Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm của các đơn vị³⁵; báo cáo Bộ Nội vụ việc sử dụng số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước của tỉnh; báo cáo kết quả sắp xếp đơn vị sự

³¹ Công văn số 2916/UBND-KSTT ngày 31/5/2022.

³² Báo cáo số 270/BC-VPUBND ngày 24/5/2022 về một số nhiệm vụ liên quan đến việc rà soát, xác nhận thông tin thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo “NGÀY” hoặc “NGÀY LÀM VIỆC” phục vụ việc đánh giá chất lượng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của tỉnh; Công văn số 290/VPUBND-KSTT ngày 01/6/2022 hướng dẫn khắc phục một số tồn tại và nâng cao chất lượng tham mưu công bố thủ tục hành chính.

³³ Công văn số 1166/UBND-KSTT ngày 08/3/2022 Triển khai các nội dung liên quan đến kết nối, sử dụng “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử” theo yêu cầu của Bộ Tư pháp; Công văn số 125/VPUBND-TTPVHCC ngày 09/03/2022 Tích hợp, kết nối liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh với “Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử”; Công văn số 153/VPUBND-TTPVHCC ngày 25/03/2022 Đẩy nhanh tiến độ kết nối liên thông dữ liệu giữa Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch”; Công văn số 199/VPUBND-TTPVHCC ngày 20/04/2022 Thí điểm triển khai liên thông dữ liệu trong giải quyết các thủ tục hành chính về hộ tịch.

³⁴ Sở Tư pháp; Sở Nội vụ; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Ngoại vụ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc; Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Chi cục Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh; Sở Y tế.

³⁵ Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Bình Định; Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định; Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; sở Giáo dục và Đào tạo

ng nghiệp công lập giai đoạn 2015-2021, việc giảm biên chế giáo viên, nhân viên y tế giai đoạn 2015-2021, nhu cầu biên chế giáo viên và nhân viên y tế giai đoạn 2022-2026; chỉ đạo Sở Nội vụ đề xuất việc thí điểm tổ chức lại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thị xã Hoài Nhơn thành Trung tâm Điều hành đô thị thông minh - Phục vụ hành chính công; giải thể Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Senkids; Đề án giải thể Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 20 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 98 phòng (giảm 18 phòng); Chi cục, ban thuộc sở: 14 chi cục (giảm 03 chi cục); Phòng thuộc cơ cấu tổ chức của chi cục/ban thuộc sở: 51 phòng (giảm 37 phòng) so với thời điểm 2015.

UBND tỉnh đã cho phép tổ chức đại hội đối với 06 Hội³⁶; công nhận Ban Chấp hành 09 Hội³⁷; công nhận kết quả bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành 04 Hội³⁸; công nhận kết quả bầu bổ sung Phó Chủ tịch và Ủy viên Ban Thường vụ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật; phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của 03 Hội³⁹; nhân sự giới thiệu bầu Chủ tịch Hội Thủy lợi tỉnh, nhiệm kỳ 2017 - 2022; bầu chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh, nhiệm kỳ 2022-2027; nhân sự tham gia Ban Sáng lập Quỹ Khuyến học tỉnh để trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh; kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu Thanh niên xung phong huyện Tuy Phước; cho phép thành lập Hội Sinh vật cảnh huyện Phù Cát; cho phép Hiệp hội Du lịch Bình Định điều chỉnh thời hạn nhiệm kỳ 2021 - 2025 thành nhiệm kỳ 2022 - 2026.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức: ban hành Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2022⁴⁰. Kế hoạch tinh giản biên chế năm 2022, theo đó UBND tỉnh đã giải quyết chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2022 đối với 40 trường hợp (14 công chức, 26 viên chức); đợt II năm 2022 đối với 30 trường hợp (12 công chức, 18 viên chức).

4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện các nội dung về

³⁶ Hội Cựu thanh niên xung phong huyện Phù Cát; Hội Bảo trợ Người tàn tật và Trẻ mồ côi huyện Vĩnh Thạnh; Hiệp hội các nhà thầu xây dựng tỉnh Bình Định; Hội Sinh vật cảnh thị xã Hoài Nhơn; Hội Cựu tù chính trị cách mạng huyện Tây Sơn; Hội Hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản tỉnh Bình Định.

³⁷ Hội Sinh vật cảnh tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026; Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2020 - 2025; Hội Công chứng viên nhiệm kỳ 2021 - 2024; Hội Cựu thanh niên xung phong huyện Tây Sơn nhiệm kỳ 2021 - 2026; Hội Sinh vật cảnh thị xã Hoài Nhơn, nhiệm kỳ 2022 - 2027; Hội Cựu tù chính trị cách mạng huyện Vĩnh Thạnh, Hội Đông y huyện Tuy Phước, Hội Khuyến học huyện Phù Cát; Hội Cựu Thanh niên xung phong huyện Hoài Ân nhiệm kỳ 2021 - 2026.

³⁸ Hội Khuyến học huyện Hoài Ân nhiệm kỳ 2019-2024; Hội Luật gia huyện An Lão, nhiệm kỳ 2015 - 2024; Hội Luật gia thành phố Quy Nhơn nhiệm kỳ 2016 - 2024; Hội Luật gia tỉnh.

³⁹ Hội Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Bình Định; Hội Sinh vật cảnh thị xã Hoài Nhơn

⁴⁰ Tổng số biên chế công chức: 2.205 biên chế; tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 26.479 người, tổng số hợp đồng lao động: 758 người (Cơ quan hành chính là 159 người, các đơn vị sự nghiệp công lập là 599 người)

công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh đảm bảo đúng tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, kịp thời, rút ngắn thời gian và thủ tục.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển): Sở Nội vụ đã có ý kiến thỏa thuận tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý đối với 05 trường hợp⁴¹, tiếp nhận vào làm công chức 02 trường hợp⁴², thẩm định kế hoạch và nhu cầu tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập với 20 chỉ tiêu⁴³; các sở, ngành, địa phương đã công nhận kết quả tuyển dụng viên chức đối với 331 trường hợp⁴⁴.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt và thực hiện chính sách khác: UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, ban, ngành⁴⁵; thông báo nghỉ hưu đối với 05 lãnh đạo Sở⁴⁶.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 28/02/2022 tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2021. Đến nay đã hoàn thành tổ chức kỳ thi trong tháng 4/2022, có 102 trường hợp trúng tuyển và bổ nhiệm vào ngạch, chức danh nghề nghiệp chuyên viên và tương đương (26 công chức ngạch chuyên viên, 12 kiểm lâm viên, 05 kế toán viên và 59 viên chức chuyên viên). Tiếp tục chỉ đạo tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên ngạch chuyên viên chính và tương đương năm 2022 theo Đề án đã được Bộ Nội vụ phê duyệt (dự kiến tổ chức thi vào cuối tháng 6/2022). Đồng thời chỉ đạo Sở Nội vụ chuẩn bị tổ chức kỳ thi tuyển công chức năm 2022 (dự kiến tổ chức vào tháng 8/2022); cử 09 cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên cao cấp; cử 19 viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Y tế năm 2021 (hạng II); tổ chức sát hạch tiếp nhận vào làm công chức cấp huyện trở lên năm 2022 (dự kiến tổ chức trong tháng 6/2022).

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức: xếp loại chất lượng đối với tập thể các cơ quan, đơn vị năm 2021 đối với 27.847 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 8.047 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 19.014 người; hoàn thành nhiệm vụ: 04: 680; không hoàn thành nhiệm vụ: 106 người. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, xếp loại đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2021: đối với Giám đốc Sở và tương đương: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 7/33 (21,21%), hoàn thành tốt nhiệm vụ: 26/33 (78,78%); đối với Phó Giám đốc Sở và tương

⁴¹ UBND thị xã Hoài Nhơn: 02 người; UBND huyện Tây Sơn: 01 người; Sở Văn hóa và Thể thao: 01 người; Sở Giáo dục và Đào tạo: 01 người.

⁴² Sở Du lịch: 01; Sở Công Thương: 01.

⁴³ Sở Thông tin và Truyền thông: 02; Sở Khoa học và Công nghệ: 18.

⁴⁴ UBND thành phố Quy Nhơn: 112; UBND huyện Phù Cát: 161; Sở Văn hóa và Thể thao: 33.

⁴⁵ Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại: Phó Giám đốc Sở Xây dựng, Phó Giám đốc Sở Du lịch, Phó Giám đốc Sở Tài Chính, Phó Chánh Thanh tra tỉnh; Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ.

⁴⁶ Phó Giám đốc Sở Công Thương; Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh;

đương: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 4/62 (6,45%), hoàn thành tốt nhiệm vụ 58/62 (93,54%).

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022⁴⁷, Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội liên hiệp Phụ nữ các cấp giai đoạn 2022-2025. Trong 6 tháng đầu năm, việc triển khai công tác bồi dưỡng vẫn còn gặp khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid - 19, do đó Sở Nội vụ đã phối hợp với các đơn vị đào tạo tổ chức học trực tuyến, gồm: 03 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng và tương đương với 215 học viên; 02 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính với 159 học viên; cử 05 công chức tham gia bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp sở, cấp huyện tại thành phố Huế; cử 07 viên chức đi đào tạo chuyên khoa 1, 01 viên chức đào tạo sau đại học. Hiện đang phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên và Kế toán viên.

Thực hiện báo cáo kết quả hợp tác toàn diện giữa UBND tỉnh với Trường Đại học Tôn Đức Thắng giai đoạn 2018 -2020 để đánh giá kết quả hợp tác trong giai đoạn, qua đó đề xuất việc tiếp tục ký kết hợp tác giai đoạn 2022-2025; xây dựng Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Định.

Công tác đào tạo, quy hoạch cán bộ nữ được chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao trình độ, năng lực và tham gia công tác quản lý nhà nước. Gắn công tác quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, tăng tỷ lệ nữ trong các khóa đào tạo, ưu tiên bố trí cán bộ nữ tham gia các loại hình đào tạo phù hợp. Việc rà soát, phát hiện nguồn cán bộ nữ để tham mưu cấp ủy các cấp đưa vào quy hoạch được thực hiện thường xuyên. Công tác bổ nhiệm, đề bạt, luân chuyển cán bộ nữ được quan tâm thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình quy định. Hiện nay cán bộ nữ tham gia cán bộ chủ chốt cấp tỉnh: 13/20 (đạt 60%).

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở địa phương: UBND tỉnh ban hành Quyết định kéo dài thời gian thực hiện quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, được sĩ sang năm 2022; Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; Quy định mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh; văn bản triển khai thực hiện Kế hoạch số 15-KH/TU ngày 27/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung. UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách được hưởng chính sách thu hút đối với 16 bác sĩ, được sĩ theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên đối với 85 trường hợp⁴⁸; nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích đối với 27 trường hợp⁴⁹; thỏa thuận

⁴⁷ Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 17/02/2022 về BD CBCCVC năm 2022

⁴⁸ Chủ tịch UBND tỉnh quyết định 04; Giám đốc Sở Nội vụ quyết định 09; các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định 72.

⁴⁹ Chủ tịch UBND tỉnh quyết định 05; Giám đốc Sở Nội vụ quyết định 06; các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định 16.

xếp lương đối với 41 cán bộ, công chức cấp xã có thay đổi trình độ đào tạo chuyên môn (21 cán bộ, 20 công chức)⁵⁰.

UBND tỉnh thực hiện các báo cáo Bộ Nội vụ về các nội dung: kết quả tổng hợp đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức năm 2021; kết quả thực hiện nâng bậc lương đối với công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương năm 2021; kết quả thực hiện Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030”; báo cáo một số nội dung liên quan đến cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức; kết quả sơ kết 03 năm thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án văn hóa công vụ; báo cáo thống kê chỉ tiêu phát triển giới của quốc gia và số liệu nữ lãnh đạo, quản lý năm 2021; báo cáo số lượng nhân sĩ trí thức và doanh nhân người dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2021.

- Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương: công tác xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã có nhiều đổi mới theo hướng phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa TTHC. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 ban hành Quy định phân cấp quản lý quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bình Định.

5. Về cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

+ Về thu ngân sách nhà nước: tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (chưa kể thu vay, huy động đóng góp, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương) thực hiện 6.298.246 triệu đồng, đạt 55,9% dự toán năm, tăng 20,3% so cùng kỳ năm 2021.

Trong cơ cấu nguồn thu, hầu hết các khoản thu tăng so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt một số khoản thu có tỷ trọng lớn như: thu từ DNNN Trung ương (tăng 16,2%), thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (tăng 16,3%), lệ phí trước bạ (tăng 17,9%), thuế thu nhập cá nhân (tăng 81,3%), thu tiền sử dụng đất (tăng 34,7%)... Các khoản thu thấp hơn so với cùng kỳ năm trước là thu từ DNNN địa phương (đạt 36,4%), thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài (đạt 31,3%), tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (đạt 34%), thu tại xã (đạt 42%), thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đạt 34,8%)...

+ Về chi ngân sách địa phương: tổng chi ngân sách địa phương tháng 05/2022 là 7.421.000 triệu đồng, đạt 45,7% dự toán năm và tăng 15,7% so cùng kỳ. Trong đó, chi ngân sách tỉnh 3.627.654 triệu đồng, đạt 42,4% dự toán năm và ngân sách huyện, thị xã, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) 3.793.347 triệu đồng, đạt 49,4% dự toán năm.

Chi đầu tư phát triển: thực hiện 2.315.699 triệu đồng, đạt 47,8% dự toán năm và tăng 8,2% so cùng kỳ.

⁵⁰ Thành phố Quy Nhơn 01 trường hợp, thị xã Hoài Nhơn 08 trường hợp, huyện Hoài Ân 04 trường hợp, huyện Phù Mỹ 03 trường hợp, thị xã An Nhơn 04 trường hợp; huyện Vĩnh Thạnh 02 trường hợp; huyện An Lão 09 trường hợp; huyện Tây Sơn 08 trường hợp; huyện Tuy Phước 02 trường hợp.

Chi thường xuyên: thực hiện 3.329.136 triệu đồng, đạt 41,7% dự toán và tăng 15,4% so cùng kỳ. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, ngay từ đầu năm các cơ quan tài chính đã tiến hành nhập dự toán kinh phí cho các đơn vị trên chương trình quản lý TABMIS, thực hiện thẩm tra dự toán theo quy định để đảm bảo chi lương cho các đơn vị và chi hỗ trợ cho một số nội dung chi hoạt động khác; phân bổ dự toán kinh phí mục tiêu ngay từ đầu năm, đảm bảo cho các huyện, thị xã, thành phố chủ động thực hiện các chính sách an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai...

+ Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công: kế hoạch vốn được giao trong năm 2022: 12.924.389 triệu đồng và đến thời điểm báo cáo đã thanh toán 4.210.950 triệu đồng, đạt 32,58% so với kế hoạch giao.

+ Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 162/UBND-TH ngày 10/01/2022 về thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định; Công văn số 1951/UBND-TH ngày 14/4/2022 về thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với Báo cáo quyết toán NSNN năm 2019 và các năm trước; Công văn số 2483/UBND-TH ngày 10/5/2022 về thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: về công tác mua sắm tập trung: để tăng cường công tác quản lý nhà nước về mua sắm tài sản, hàng hóa từ ngân sách nhà nước theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Văn bản số 12661/BTC-QLCS ngày 05/11/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 12/02/2022 về việc ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định thay thế Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND tỉnh; trong đó loại bỏ một số danh mục tài sản ra khỏi danh mục tài sản mua sắm tập trung của tỉnh, bảo đảm tài sản được đưa vào Danh mục tài sản mua sắm tập trung đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của địa phương. Trên cơ sở đó, Sở Tài chính đã tổng hợp nhu cầu đăng ký mua sắm tập trung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đang tổ chức đấu thầu 03 gói thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (hiện chưa có kết quả trúng thầu); báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2021 theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Công văn số 141/STC-QLGCS ngày 14/01/2022).

- Thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu Phần mềm Quản lý tài sản công, UBND tỉnh có Công văn số 1254/UBND-TH ngày 14/3/2022 gửi Bộ Tài chính về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2021; theo đó kiến nghị Bộ Tài chính sớm có Thông tư quy định cụ thể việc phân cấp cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại phần mềm Quản lý tài sản công và có hướng dẫn triển khai thực hiện.

UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào

mục đích cho thuê tại Trung tâm Y tế thị xã Hoà Nhơn; phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 270 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Hoàn thành công tác sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung với tổng số 09 xe; UBND tỉnh giao, điều chuyển 03 trụ sở làm việc.

Đề đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 273/TB-VPCP ngày 22/10/2021 và Công văn số 7617/UBND-NC ngày 30/11/2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh khóa XIII thông qua vào kỳ họp thứ 6.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan): trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thẩm tra Phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội (riêng giai đoạn 2022-2025 là 4 năm); dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để trình UBND tỉnh giao cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 90 đơn vị (khôì tỉnh) được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ⁵¹.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định (*Quyết định số 565-QĐ/TU ngày 20/4/2022 của Tỉnh ủy*). Cụ thể hóa Nghị Quyết của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 04/4/2022 về chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2022; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 04/5/2022 về việc Triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 11/5/2022 Chuyển đổi số trên lĩnh vực Thông tin và Truyền thông năm 2022 và Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 27/5/2022 về triển khai Tổ công

⁵¹ 07 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 11 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 54 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 18 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

nghệ số cộng đồng theo "Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật: tăng cường xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh, trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng tại các cơ quan bệnh viện, trường học; đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, hệ thống offsite backup cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (Data Center) và trang thiết bị tại Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh, đảm bảo năng lực triển khai các phần mềm nền tảng, ứng dụng và cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh phục vụ phát triển chính quyền số và đô thị thông minh. Phát triển hệ thống mạng chuyên dùng, kết nối thông suốt từ tỉnh tới xã, đáp ứng việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng: thực hiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) kết nối với dữ liệu quốc gia (NDXP), phục vụ nhu cầu kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; Hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh và huyện kết nối liên thông phục vụ các phiên họp 4 cấp từ Trung ương đến cấp xã; hệ thống xác thực người dùng tập trung của tỉnh; hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo, điều hành, hệ thống mail công vụ... cấp chữ ký số chuyên dùng cá nhân và chữ ký số chuyên dùng tổ chức đảm bảo 100% các cơ quan nhà nước, đoàn thể từ cấp tỉnh đến cấp xã và cá nhân lãnh đạo từ cấp phòng trở lên để thực hiện ký số văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng thay thế văn bản giấy; tích hợp hệ thống chỉ đạo điều hành với văn phòng điện tử; hoàn chỉnh các tính năng kết nối với hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; phân tách dữ liệu, tối ưu hóa năng lực xử lý và lưu trữ của Hệ thống Văn phòng điện tử; nâng cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II đảm bảo kết nối đến cơ quan, đơn vị là các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố và kết nối giữa đường truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh với đường truyền Văn phòng Chính phủ phục vụ trực liên thông văn bản quốc gia.

Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức 01 Hội nghị tập huấn, chia sẻ tổng quan về Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (phiên bản 2.0) và Khung Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh 1.0 cho 70 công chức, viên chức đại diện các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; 01 Hội nghị triển khai, tập huấn, hướng dẫn cách tạo cửa hàng số để bán hàng hóa, nông sản; hướng dẫn đăng ký tài khoản, thông tin tài khoản thanh toán điện tử và cập nhật hình ảnh, giá bán, bảo đảm chất lượng hàng hóa, nông sản khi giao dịch trên cửa hàng số; hướng dẫn quy trình đóng gói, kết nối, giao nhận để cơ sở tác nghiệp trong quá trình trao đổi, mua bán trên sàn thương mại điện tử cho đại diện lãnh đạo Phòng Văn hóa – Thông tin; đại diện UBND các xã, phường, thị trấn và gần 30 hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn.

- Kết quả xây dựng và phát triển dữ liệu: triển khai, tích hợp các tiện ích, nền tảng số trong các lĩnh vực du lịch, y tế, giáo dục, giao thông vào Công Dịch vụ công của tỉnh. Thực hiện nâng cấp Công Dịch vụ công của tỉnh đảm bảo thực hiện xác thực, định danh và kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt với các nền tảng quốc gia như Công Dịch vụ công quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, nền

tăng thanh toán điện tử của Công Dịch vụ công quốc gia...; bổ sung một số tiện ích trên Công Dịch vụ công của tỉnh để triển khai cung cấp trực tuyến một số dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích; nâng cấp Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu và các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho việc đơn giản hóa TTHC và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Kết nối hệ thống giám sát tại Trung tâm Phục vụ hành chính công với hệ thống giám sát của Văn phòng Chính phủ.

Các hệ thống phần mềm dùng chung được triển khai, ứng dụng hiệu quả trong công tác phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh như: Công thông tin điện tử; Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Quản lý lịch công tác; Công Dịch vụ công của tỉnh; Phần mềm họp không giấy.

Công thông tin điện tử của tỉnh và các Trang Thông tin điện tử thành phần đã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc Công thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, đảm bảo truy cập thuận tiện, công khai thông tin tới người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh: tiếp tục hoàn thiện các dịch vụ của Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC), gồm: dịch vụ giám sát an toàn thông tin; dịch vụ an ninh trật tự của đô thị; dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; dịch vụ giám sát, điều hành giao thông; dịch vụ phản ánh hiện trường; hệ thống giám sát dịch vụ công; Dashboard tổng hợp giám sát điều hành nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Thực hiện khảo sát lắp đặt các màn hình trình diễn, thông tin truyền tải tại một số vị trí trọng điểm trên địa bàn thành phố Quy Nhơn.

Về tình hình triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt Đề án 06): Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án⁵². Đã phối hợp kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin các hệ thống thông tin của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an đảm bảo cho việc triển khai kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06.

- Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích

⁵² Công văn số 678/UBND-KSTT ngày 11/02/2022 về triển khai kết nối, tích hợp, chia sẻ CSDLQG về dân cư theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 735/UBND-KSTT ngày 16/02/2022 chỉ đạo triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Công văn số 1123/UBND-KSTT ngày 07/03/2022 triển khai thực hiện nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị triển khai Đề án 06; Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Công văn số 45/BCĐ06 ngày 28/3/2022 thành lập Tổ công tác thực hiện Đề án 06 tại cấp huyện, cấp xã...

hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022⁵³; triển khai kiểm thử, tích hợp 76 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (bao gồm: 65 dịch vụ công cấp tỉnh, 09 dịch vụ công cấp huyện và 02 dịch vụ công cấp xã)⁵⁴ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; chỉ đạo thực hiện các giải pháp thúc đẩy việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong thực hiện TTHC⁵⁵;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai Công văn số 717/BTTTT-THH ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đơn độc kết nối Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến, Văn phòng UBND tỉnh đã chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành kết nối Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh với Hệ thống EMC⁵⁶ theo quy định.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh cũng đã phê duyệt Quyết định công bố Danh mục TTHC được cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính trên Cổng Dịch vụ công tỉnh (Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2022) sau thời gian thực hiện thí điểm, công bố Danh mục 24 TTHC thực hiện cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3,4 đạt 100%, trong đó, số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 12 DVC, số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 314 DVC. Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 93,84%. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 đạt 42,39% (tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận: 108.538 hồ sơ, số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: 46.012 hồ sơ). Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến đạt 79,48% (tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính: 507 TTHC, số TTHC đã được triển khai thanh toán trực tuyến: 403 TTHC).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Với sự quyết tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương đã kịp thời quán triệt và triển khai công tác cải cách hành chính phù hợp với tình hình thực tế, bám sát các nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2022. Nhờ sự quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng đề cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, địa phương, cùng với sự nỗ lực cố gắng của tập thể cán bộ, công chức, viên chức, công tác cải cách hành chính của tỉnh trong 6 tháng đầu năm đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả

⁵³ Công văn số 1813/UBND-KSTT ngày 07/4/2022.

⁵⁴ Công văn số 216/VPUBND-KSTT ngày 28/4/2022.

⁵⁵ Công văn số 2695/UBND-KSTT ngày 19/5/2022.

⁵⁶ Công văn số 154/VPUBND-KSTT ngày 25/3/2022.

quản lý, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu công tác cải cách hành chính của tỉnh.

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị đã quan tâm, chú trọng công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính, tạo điều kiện cho việc triển khai công tác cải cách hành chính tại đơn vị kịp thời, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác cải cách hành chính.

Công tác kiểm soát TTHC gắn với việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo quyết liệt, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ hành chính công đã có những chuyên biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ TTHC, giảm tối đa tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hạn, từng bước nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính.

Công tác xây dựng đội ngũ công chức, viên chức được đặc biệt chú trọng đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Trình độ, năng lực chuyên môn của công chức, viên chức từng bước được nâng lên; thái độ phục vụ nhân dân có chuyên biến khá rõ nét; mối quan hệ phối hợp công tác để giải quyết hồ sơ TTHC cho tổ chức, công dân giữa các sở, ban, ngành ngày càng hiệu quả. Việc áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý được thực hiện đạt hiệu quả cao hơn, phù hợp với một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác chỉ đạo, điều hành, hướng tới xây dựng chính quyền số, xã hội số được UBND tỉnh tích cực triển khai thực hiện, tạo hành lang cơ sở pháp lý trong việc triển khai chuyển đổi số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực về an toàn thông tin, phát triển chính quyền số cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước được chú trọng...

2. Một số hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

Vẫn còn tình trạng trễ hẹn trong việc trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC. Tỷ lệ hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được tiếp nhận tại UBND cấp huyện, cấp xã còn thấp. Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị chưa hiệu quả, gây lãng phí ngân sách nhà nước vì hiện nay toàn bộ quy trình giải quyết TTHC đã được thực hiện trên Hệ thống một cửa điện tử.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. Khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022.

2. Triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2022 đối với các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

3. Khảo sát đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2022.

4. Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá chỉ số hành chính và đo lường sự hài lòng của tổ chức, công dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

5. Kế hoạch nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) giai đoạn 2022 – 2025.

6. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

7. Đề án “Thí điểm triển khai mô hình chính quyền thân thiện phục vụ công dân thực hiện TTHC giai đoạn 2022-2025”.

8. Ban hành Quy định thực hiện liên thông nhóm TTHC lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh – An ninh trật tự - Karaoke/vũ trường.

9. Ban hành giải pháp nâng cao chất lượng công tác giải quyết thủ tục phê duyệt kết quả đấu giá và trường hợp giao đất tái định cư.

10. Đề án đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

11. Quy định về phân cấp, phân quyền về quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

12. Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh.

13. Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

14. Đề án mô hình Trung tâm dữ liệu dùng chung.

15. Kế hoạch triển khai: Nền tảng hợp trực tuyến, Nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số dựa trên Nền tảng điện toán kế thừa các hệ thống thông tin được xây dựng tại địa phương.

16. Tổ chức thực hiện kiểm tra cải cách hành chính năm 2022.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị các cơ quan Trung ương sớm ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong từng ngành, lĩnh vực (Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ...) theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

2. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, phân cấp cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên được quyết định số lượng vị trí việc làm mà các vị trí này sử dụng nguồn thu dịch vụ để chi trả (không sử dụng ngân sách); hướng dẫn về số lượng biên chế tối thiểu để thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

3. Đề nghị các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành sớm ban hành văn bản hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi, xét thăng hạng viên chức để địa phương thực hiện thống nhất.

4. Đề nghị Bộ Nội vụ tích hợp dữ liệu báo cáo cải cách hành chính của phần mềm của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ theo Công văn hướng dẫn số 581/BNV-CCHC ngày 21/2/2022 về thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ của Bộ Nội vụ với phần mềm Hệ thống báo cáo tại Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

UBND tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ xem xét tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Viện Nghiên cứu PT KT-XH tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục I
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / / 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	50	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	44,74	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	38	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	17	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	10	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>thẩm quyền của Sở Nội vụ</i>			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	2	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	100	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	41	Đối với 08 nhiệm vụ còn lại (không giao hạn) UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu triển khai.
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	33	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	-	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	-	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	-	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	-	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	-	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL⁵⁷ do địa phương ban hành	Văn bản	296	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	45	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	56	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	195	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	56	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	-	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	-	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	-	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	26	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	26	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	26	

⁵⁷Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	15	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	87	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	63	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.135	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>1.554</i>	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>396</i>	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>185</i>	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	391	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	178	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	-	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,92	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>39.240</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>39.209</i>	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,56	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	80.318	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	79.961	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,50	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	153.994	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	153.229	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	42	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	42	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	-	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	733	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	6	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	125	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	602	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	-	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.205	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.173	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	154	(Hợp đồng theo Nghị định 68)
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	14	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	26.479	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	26.411	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	26	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	733	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	2	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	5	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	-	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	331	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	-	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		-	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	-	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	32,58	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	12.924.389	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.210.950	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	735	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	7	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	37	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	180	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>63</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>15</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>102</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	511	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	-	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	39	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	39	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	12	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.293	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.293	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	314	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	86,94	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.332	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.158	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ	%	42,39	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/6/2022)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>			
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>108.538</i>	
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>46.012</i>	
6.8.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>%</i>	<i>79,48</i>	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>507</i>	
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>403</i>	

Phụ lục II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	NHIỆM VỤ	SẢN PHẨM	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	GHI CHÚ
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH			
1	Kế hoạch truyền thông công tác cải cách hành chính năm 2022.	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 17/3/2022 ban hành Kế hoạch truyền thông về công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Kế hoạch phát động phong trào thi đua cải cách hành chính giai đoạn 2022 – 2025.	Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 08/3/2022 ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025.	Sở Nội vụ	
3	Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022	Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 29/3/2022	Sở Nội vụ	
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ			
4	Ban hành và triển khai thực hiện: Kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2022.	- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định. - Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Tư pháp	
5	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật năm 2022.	Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa	Sở Tư pháp	

STT	NHIỆM VỤ	SẢN PHẨM	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	GHI CHÚ
		bản tỉnh Bình Định.		
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
6	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022.	Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Văn phòng UBND tỉnh	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY			
7	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 09 cơ quan: 1. Sở Tư pháp (Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh); 2. Sở Nội vụ (Quyết định số 63/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021) 3. Sở Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 88/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021) 4. Sở Tài nguyên và Môi trường (Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 07/01/2022) 5. Sở Khoa học và Công nghệ (01/2022/QĐ-UBND ngày 07/01/2022) 6. Sở Ngoại vụ (12/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022) 7. Ban Dân tộc (13/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022) 8. Sở Lao động - Thương binh &XH (14/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022) 9. Sở Y tế (21/2022/QĐ-UBND ngày 16/5/2022)	Sở Nội vụ	Thực hiện cả năm
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			

STT	NHIỆM VỤ	SẢN PHẨM	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	GHI CHÚ
8	Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2022.	Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 17/02/2022 ban hành Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022.	Sở Nội vụ	
9	Quy định sửa đổi, bổ sung chính sách thu hút đối với bác sĩ, dược sĩ trên địa bàn tỉnh.	Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 về việc kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016-2021.	Sở Nội vụ	
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG			
10	Đề án thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị thẩm tra Phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế xã hội (riêng giai đoạn 2022-2025 là 4 năm); dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để trình UBND tỉnh giao cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 90 đơn vị (khối tỉnh) được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ: 07 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 11 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 54 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 18 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.	Sở Tài chính	Thực hiện cả năm
11	Thực hiện chuyển đổi một số đơn	- Xem xét, quyết định phê duyệt Trung tâm	Sở Tài chính	Thực hiện cả năm

STT	NHIỆM VỤ	SẢN PHẨM	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	GHI CHÚ
	<p>vị sự nghiệp thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.</p>	<p>Đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần với cơ cấu vốn nhà nước còn nắm giữ sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần là 45% vốn điều lệ, thời gian thực hiện 2022-2025.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương không tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi Trung tâm Giống cây trồng Bình Định và Ban Quản lý Cảng cá Bình Định thành Công ty cổ phần. - Riêng nội dung Danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành Công ty cổ phần: UBND tỉnh Bình Định sẽ tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung hoàn thành rà soát các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý đề đề xuất Danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành Công ty cổ phần trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần và Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần trong thời gian tới. - Ngày 01/4/2022, Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số 292/TTg-ĐMDN về việc phê duyệt danh mục ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh Bình Định chuyển thành CTCP, theo đó thống nhất dừng cổ phần hóa đối với Trung tâm Giống cây trồng Bình Định và Ban Quản lý 		

STT	NHIỆM VỤ	SẢN PHẨM	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	GHI CHÚ
		<p>Cảng cá Bình Định, việc sắp xếp đổi với Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy bộ Bình Định và Trung tâm Quy hoạch và kiểm định xây dựng Bình Định sẽ được xem xét sau khi có chỉ đạo tổng thể của Thủ tướng Chính phủ và yêu cầu UBND tỉnh tiếp tục giải trình bổ sung về việc đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP: “Còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và xác định lại giá trị đơn vị sự nghiệp công lập” của Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông Bình Định. Triển thực hiện văn bản số 292/TTg-ĐMDN, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản số 2475/UBND-TH ngày 10/5/2022 để chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất việc giải thể đối với Trung tâm Giống cây trồng Bình Định và Sở GTVT rà soát có báo cáo giải trình về việc Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông Bình Định đáp ứng đủ điều kiện để thực hiện chuyển đổi thành CTCP.</p>		
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ			
12	<p>Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</p>	<p>Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/04/2022</p>	<p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>	
13	<p>Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh năm 2022.</p>	<p>Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 04/04/2022 về Chuyển đổi số năm 2022 của tỉnh Bình Định</p>	<p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>	

STT	NHIỆM VỤ	SẢN PHẨM	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	GHI CHÚ
14	Kế hoạch thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Y tế thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, đảm bảo điều kiện tham gia vào mạng lưới Y tế thông minh toàn quốc.	Quyết định số 75/KH-UBND ngày 19/5/2022	Sở Y tế	
15	Kế hoạch thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, sẵn sàng tham gia vào mạng lưới Giáo dục thông minh toàn quốc.	Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 10/5/2022	Sở Giáo dục và Đào tạo	
16	Kế hoạch nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh đảm bảo liên kết, tích hợp các Cổng/Trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương.	Công văn số 156/VPUBND-TTTHCB ngày 27/03/2022 thông báo hoàn thành việc nâng cấp Cổng TTĐT và đề nghị các cơ quan, đơn vị cung cấp một số thông tin để hoàn thiện Cổng TTĐT	Văn phòng UBND tỉnh	
17	Đề án triển khai mô hình đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030	Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 Ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định, phiên bản 1.0	Sở Thông tin và Truyền thông	